TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHAN THIẾT** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **15**/2025/DS-ST Ngày: 26-3-2025. (V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng).	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích N

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Văn Đ; bà Lê Thị Kiều T

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị MT, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 427/2024/TLST-DS, ngày 23 tháng 10 năm 2024, về việc: "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-DS ngày 20/02/2025 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 77/2025/QĐST-DS ngày 12/3/2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ trụ sở: số B - B, đường N, phường H, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Phước T - Trưởng P1, Chi nhánh B (Theo Quyết định ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Ông T ủy quyền lại cho ông Phan Trọng P (Theo Giấy ủy quyền số 25/2024/GUQ-PGDPT ngày 31/12/2024).

Trụ sở: số F, đường T, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Bà Ngô Thị Ái D1, sinh năm: 1970

Địa chỉ: số G, đường T, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Phan Trọng P trình bày: Ngân hàng TMCP S - P1 - Chi nhánh B (Gọi tắt là Ngân hàng), ngày 18/7/2023, bà Ngô Thị Ái D1 có ký với Ngân hàng TMCP S- Chi

nhánh B- P1 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng- các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng) đối với số thẻ 436438-0847 theo các nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 50.000.000 đồng; Mục đích: tiêu dùng; Lãi suất: 2,48%/tháng, có thay đổi theo từng thời kỳ; Lãi suất áp dụng cho khoản Thẻ hiện tại là 2.48%/ tháng; Lãi suất áp dụng đối với nợ quá hạn bằng 150% lãi suất được công bố.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng số 436438-0847, bà Ngô Thị Ái D1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 14.700.000 đồng, phí và lãi phát sinh là 9.066.670 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà Ngô Thị Ái D1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 1.870.454 đồng. Dư nợ tính đến ngày 26/3/2025 là: 23.346.394 đồng (dựa trên hạn mức được cấp thẻ tín dụng).

Ngoài ra bà Ngô Thị Ái D1 còn có 01 khoản vay tiêu dùng thẻ 211-251-9879 là 45.000.000 đồng (dựa trên hạn mức được cấp Thẻ tín dụng 436438-0847).Trong quá trình vay bà D1 đã thanh toán cho Ngân hàng 15.030.000 đồng, lãi phát sinh 13.706.576 đồng, phí phát sinh 320.000 đồng. Dư nợ vay tiêu dùng của khoản này tính đến ngày 26/3/2025 là 50.926.576 đồng, trong đó nợ gốc là 37.220.000, nợ lãi trong hạn 9.137.718 đồng, nợ lãi quá hạn 4.568.858 đồng.

Qua nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng bà Ngô Thị Ái D1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà Ngô Thị Ái D1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 05/7/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Duyên số thẻ 436438-0847 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 17.585.122 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 3.725%/tháng (2.483%/ tháng x 150%) theo điều 1.36 và 5.7 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Ngày 25/6/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với số thẻ 211-251-9879 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 37.220.000 đồng sang nợ quá hạn và dư nợ này chịu lãi suất quá hạn 3.725%/tháng (2.483%/ tháng x 150%) theo điều 1.36 và 5.7 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu bà Ngô Thị Ái D1 thanh toán nợ nhưng bà Ngô Thị Ái D1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án nhân dân thành phố phan Thiết giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc bà Ngô Thị Ái D1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền của cả 02 số thẻ 211-251-9879 và 436438-0847 tạm tính đến ngày 26/3/2025 là 74.272.970 đồng, trong đó nợ gốc là 54.805.122 đồng, nợ lãi trong hạn 12.978.566 đồng, nợ lãi quá hạn 6.489.282 đồng.

2. Bà Ngô Thị Ái D1 phải trả lãi phát sinh từ ngày 27/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

3. Bà Ngô Thị Ái D1 phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

Bị đơn bà Ngô Thị Ái D1: vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án không lý do, Tòa án tống đạt, niêm yết các văn bản theo quy định của pháp luật

nhưng không ghi nhận được ý kiến trình bày của bà D1.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến: Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa, Viện kiểm sát có ý kiến như sau: Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS năm 2015. Thời hạn gửi hồ sơ cho VKS nghiên cứu đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015, việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng các quy định của BLTTDS năm 2015.

- Về nội dung: Viện kiểm sát thấy rằng tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện đầy đủ nên căn cứ vào các Điều 70, 71, 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 BLTTDS 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 BLDS 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn bà Ngô Thị Ái D1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền gốc, lãi, phí, chi phí tố tụng khác theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, đối với số thẻ 436438-0847, ký ngày 18/7/2023 và 01 khoản vay tiêu dùng thẻ 211-251-9879 (dựa trên hạn mức được cấp Thẻ tín dụng số 436438-0847), đồng thời bà D1 phải tiếp tục trả các khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng nêu trên từ ngày 27/3/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP S. Ngoài ra Bị đơn còn phải chịu án phí và các chi phí tố tụng khác.

Vụ án đã được Tòa án hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu:

Đây là vụ án tranh chấp Hợp đồng tín dụng, tại thời điểm ký kết hợp đồng bị đơn bà Ngô Thị Ái D1 có địa chỉ tại số G, đường T, khu phố A, phường P, thành phố P, tỉnh Bình Thuận, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Về thời hiệu khởi kiện: theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, bà Ngô Thị Ái D1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 05/7/2024 nên vụ án vẫn còn thời hiệu.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết tuyên buộc bà Ngô Thị Ái D1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm

tính đến ngày 26/3/2025 là 74.272.970 đồng, trong đó nợ gốc là 54.805.122 đồng, nợ lãi trong hạn 12.978.566 đồng, nợ lãi quá hạn 6.489.282 đồng. Buộc bà Ngô Thị Ái D1 tiếp tục thanh toán lãi phát sinh từ ngày 27/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bà Ngô Thị Ái D1 phải chịu tất cả án phí và các chi phí liên quan khác.

Xét yêu cầu trên HĐXX nhận thấy: giữa Ngân hàng TMCP S và bà Ngô Thị Ái D1 có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, đối với số thẻ 436438-0847, ký ngày 18/7/2023 và 01 khoản vay tiêu dùng thẻ 211-251-9879 (dựa trên hạn mức được cấp Thẻ tín dụng số 436438-0847).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Ngô Thị Ái D1 đã thực hiện các giao dịch đến ngày 26/3/2024 với tổng số tiền là 59.700.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bà D1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 16.900.454 đồng, dư nợ tính đến ngày 26/3/2025 là: 74.272.970 đồng, trong đó nợ gốc là 54.805.122 đồng, nợ lãi trong hạn 12.978.566 đồng, nợ lãi quá hạn 6.489.282 đồng. Hiện khoản vay đã quá hạn từ ngày 25/6/2024 và thẻ quá hạn ngày 05/7/2024.

Các bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền. Về hình thức, nội dung của hợp đồng cũng không vi phạm điều cấm, không trái với các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên hợp đồng tín dụng này là hợp pháp. Do vậy, sau khi ký thì các bên đã phát sinh quyền và nghĩa vụ nên buộc các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngân hàng đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giải ngân số tiền cho vay, bà D1 đã nhận đủ số tiền vay của hợp đồng thẻ tín dụng số 436438-0847 là 50.000.000 đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, đối với số thẻ 436438-0847, ký ngày 18/7/202301 và khoản vay tiêu dùng thẻ 211-251-9879 là 45.000.000 đồng (dựa trên hạn mức được cấp Thẻ tín dụng số 436438-0847).

Tuy nhiên, sau đó bà D1 không thực hiện việc trả nợ đúng hạn, làm phát sinh nợ quá hạn như vậy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng vay nợ. Số nợ tạm tính đến ngày 26/3/2025 là 74.272.970 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gọi điện thông báo, gửi Thông báo nợ nhằm xử lý khoản nợ quá hạn nhưng bà D1 thường xuyên không thực hiện theo cam kết trả nợ cho Ngân hàng. Như vậy chứng tỏ phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không thực hiện đúng các nội dung đã ký kết trong hợp đồng việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là phù hợp.

Về tiền lãi: Do Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, đối với số thẻ 436438-0847 và khoản vay tiêu dùng thẻ 211-251-9879 (dựa trên hạn mức được cấp Thẻ tín dụng số 436438-0847) bà D1 đã ký với Ngân hàng TMCP S phù hợp với các quy định của pháp luật nên các bên phải tuân thủ đúng nội dung của hợp đồng. Phía bị đơn phải trả tiền lãi như các hợp đồng đã ký kết. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng nợ lãi 19.467.848 đồng đồng và lãi phát sinh kể từ ngày

27/3/2025 theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận.

Khoản vay này bà D1 không có tài sản thế chấp.

Từ những nhận định trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát thành phố P là phù hợp.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng và án phí Dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào: Điều 5, khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 233, Điều 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Luật Thi hành án Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T1 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Ngô Thị Ái D1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ tính đến ngày 26/3/2025 là 74.272.970 đồng. Cụ thể nợ gốc là 54.805.122 đồng, tổng nợ lãi: 19.467.848 đồng (Trong đó lãi trong hạn 12.978.566 đồng, nợ lãi quá hạn 6.489.282 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (27/3/2025) bà Ngô Thị Ái D1 còn phải tiếp tục thực hiện trả toàn bộ số tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ và các khoản phí, lệ phí theo quy định đã ký kết của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, đối với số thẻ 436438-0847 và khoản vay tiêu dùng thẻ 211-251-9879 (dựa trên hạn mức được cấp Thẻ tín dụng số 436438-0847).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Do yêu cầu của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Bà Ngô Thị Ái D1 phải chịu 3.713.648 đồng án phí Dân sự sơ thẩm. Ngày 18/10/2024 nguyên đơn đã nộp 1.465.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002193 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết thu nay được hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án (26/3/2025), đối với bị đơn vắng mặt, kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương
- Viện kiểm sát nhân dân TP Phan Thiết
- CC. Thi hành án dân sự TP Phan Thiết
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

Nguyễn Thị Bích N